

Số: 582/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 25 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc bù đắp nguồn và điều chỉnh giảm kế hoạch vốn do giảm thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh, thu xổ số kiến thiết năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NQ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 160/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; số 193/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2022; số 217/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022; 307/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022; số 367/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023; số 434/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 và số 474/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 về kế hoạch, dự kiến điều chỉnh và điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 và phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2021; số 516/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 về nhiệm vụ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025;

Thực hiện Thông báo số 2118-TB/TU ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc bù đắp nguồn và điều chỉnh giảm kế hoạch vốn do giảm thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh, thu xổ số kiến thiết năm 2024,

Xét Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bù đắp nguồn và điều chỉnh giảm kế hoạch vốn do giảm thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh, thu xổ số kiến thiết năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 234/BC-KTNS ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bù đắp nguồn và điều chỉnh giảm kế hoạch vốn do giảm thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh, thu xổ số kiến thiết năm 2024 với các nội dung như sau:

1. Sử dụng nguồn tăng thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh năm 2022 bù đắp nguồn cho kế hoạch đầu tư công năm 2024 tương ứng với phần giảm thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh năm 2024 đã giải ngân, số tiền 1.307.777.473.867 đồng (điều chỉnh kế hoạch từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2024 thành nguồn tăng thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh năm 2022).

2. Sử dụng nguồn tăng thu tiền xổ số kiến thiết các năm 2021, 2022, 2023 bù đắp nguồn cho kế hoạch đầu tư công năm 2024 tương ứng với phần giảm thu tiền xổ số kiến thiết năm 2024 đã giải ngân, số tiền **1.245.147.769 đồng** (điều chỉnh kế hoạch từ nguồn xổ số kiến thiết năm 2024 thành nguồn tăng thu tiền xổ số kiến thiết các năm 2021, 2022, 2023).

3. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024 từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2024 tương ứng với số hụt thu tiền sử dụng đất, số tiền **6.779.529.888.767 đồng** (trong đó: điều chỉnh giảm kế hoạch năm 2024 đã phân bổ chi tiết cho các dự án, số tiền 2.077.975.888.767 đồng; điều chỉnh giảm kế hoạch năm 2024 chưa phân bổ chi tiết, số tiền 4.701.554.000.000 đồng).

4. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024 từ nguồn xổ số kiến thiết năm 2024 tương ứng với số hụt thu tiền xổ số kiến thiết, số tiền **4.208.698.172 đồng**.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, Kỳ họp thứ Hai mươi bảy nhất trí thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Công TTĐT đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^M

CHỦ TỊCH


Trần Quốc Toàn

PHỤ LỤC

BÙ ĐÁP NGUỒN VÀ ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 582/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng.

TT	Mã DA	Danh mục công trình, dự án, nhiệm vụ chi	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Giải ngân đến 31/01/2025	Đã bảo đảm nguồn vốn từ nguồn thu năm 2024	Bù đắp nguồn vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022/ tăng thu XSKT các năm	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024
1	2	3	4	5	6	7=5-6	8=4-6
		TỔNG CỘNG	10 823 200 000 000	5 348 484 034 697	4 039 461 413 061	1 309 022 621 636	6 783 738 586 939
A		NGUỒN THU TIỀN SDD NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (Không gồm nguồn thu tiền SDD KĐH Phố Hiến)	10 800 200 000 000	5 328 447 585 100	4 020 670 111 233	1 307 777 473 867	6 779 529 888 767
A1		NGUỒN THU TIỀN SDD NGÂN SÁCH CẤP TỈNH ĐÃ PHÂN BỐ CHI TIẾT	6 098 646 000 000	5 328 447 585 100	4 020 670 111 233	1 307 777 473 867	2 077 975 888 767
I	I	HUYỆN AN THI	359 278 000 000	192 920 501 921	192 920 501 921		166 357 498 079
	1	UBND huyện Ân Thi	182 000 000 000	16 330 034 969	16 330 034 969		165 669 965 031
	8067485	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Đào Dương (đoạn từ giao ĐH.61 tại thôn Phần Lâm đến	7 000 000 000	1 778 031 853	1 778 031 853		5 221 968 147
	8124851	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.62 (đoạn từ QL.38 cũ đến ĐT.384)	30 000 000 000	2 313 870 636	2 313 870 636		27 686 129 364
	8100822	Cải tạo, nâng cấp đường bờ sông Kê Sắt huyện Ân Thi (đoạn kết nối QL.38 tại xã Phù Ủng đến ĐT.378 tại xã Bãi Sậy)	70 000 000 000	2 864 089 455	2 864 089 455		67 135 910 545
	8124848	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.66 (đoạn từ ĐT.376 cũ đến ĐH.63)	30 000 000 000	1 328 234 636	1 328 234 636		28 671 765 364
	8068745	Nhà hành chính, khám và điều trị Trung tâm y tế huyện Ân Thi	15 000 000 000	1 964 035 480	1 964 035 480		13 035 964 520
	8124850	Xây dựng đường QH.02 (đoạn từ QL.38 cũ đến đường QH.04, huyện Ân Thi)	30 000 000 000	6 081 772 909	6 081 772 909		23 918 227 091
	2	UBND xã Bắc Sơn	3 215 000 000	3 215 000 000	3 215 000 000		
	8064331	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS Bắc Sơn	3 215 000 000	3 215 000 000	3 215 000 000		
	3	UBND xã Đào Dương	10 000 000 000	10 000 000 000	10 000 000 000		
	8086043	Nhà lớp học 2 tầng 14 phòng Trường THCS xã Đào Dương	10 000 000 000	10 000 000 000	10 000 000 000		
	4	UBND xã Quang Vinh	15 000 000 000	15 000 000 000	15 000 000 000		
	8104445	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đỗ Hạ, thôn Gia Cốc, thôn Phú Cốc, thôn Ngọc Châu xã Quang Vinh	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8102038	Sửa chữa, chống xuống cấp nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Tân Phúc	1 000 000 000	1 000 000 000	1 000 000 000		
	8102019	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc (đoạn từ nhà ông Trích thôn Ngọc Nhuế đến nhà ông Năm thôn Ninh Đạo)	4 500 000 000	4 500 000 000	4 500 000 000		
	8102036	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc (đoạn 1 từ đường ĐH61 đến nhà ông Niệm thôn Ngọc Nhuế, đoạn 2 từ ĐH61 đến cổng nhà ông Bang thôn Ngọc Nhuế)	2 500 000 000	2 500 000 000	2 500 000 000		
	5	UBND xã Hoàng Hoa Thám	30 500 000 000	30 500 000 000	30 500 000 000		
	8116768	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Hoàng Hoa Thám (đoạn từ nhà ông Duệ đến giao với ĐH.61 và đoạn từ nhà ông Minh thôn Minh Lý đến nhà văn hóa cũ thôn Đan Xá)	13 000 000 000	13 000 000 000	13 000 000 000		
	8097436	Xây dựng cầu Đạm, xã Hoàng Hoa Thám	17 500 000 000	17 500 000 000	17 500 000 000		
	6	UBND xã Cẩm Ninh	10 000 000 000	10 000 000 000	10 000 000 000		
	8086476	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Ninh (đoạn 1, từ cổng làng văn hóa thôn Ninh Thôn đến trạm bơm thôn Ninh Thôn; đoạn 2, từ cổng làng văn hóa thôn Ninh Thôn đi đường chùa cũ; đoạn 3, từ trạm bơm thôn Ninh Thôn đến ngã 3 đường vào Đồng Phần; đoạn 4, từ cù Đòng Kênh đến ngã 3 nhà ông Tài)	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8086477	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Ninh (Đoạn từ đình thôn Đông Bạ đến ruộng hội phụ nữ xã)	3 000 000 000	3 000 000 000	3 000 000 000		
	7	UBND xã Hồ Tùng Mậu	20 000 000 000	20 000 000 000	20 000 000 000		

TT	Mã DA	Danh mục công trình, dự án, nhiệm vụ chi	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Giải ngân đến 31/01/2025	Đã bảo đảm nguồn vốn từ nguồn thu năm 2024	Bù đắp nguồn vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022/ tăng thu XSKT các năm	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024
	8107150	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồ Tùng Mậu (đoạn của các thôn Lưu Xá, thôn Mão Cầu, thôn Mão Đông, thôn Gao Bắc và thôn Gao Nam)	14 500 000 000	14 500 000 000	14 500 000 000		
	8097437	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Lưu Xá, xã Hồ Tùng Mậu (đoạn từ cầu Gao Bắc đến cầu Lưu Xá)	5 500 000 000	5 500 000 000	5 500 000 000		
	8	UBND xã Phù Ủng	6 500 000 000	6 500 000 000	6 500 000 000		
	8101403	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phù Ủng (đoạn của các thôn Phù Ủng, thôn Huệ Lai, thôn Kim Lũ và thôn Hồng Lương)	6 500 000 000	6 500 000 000	6 500 000 000		
	9	UBND xã Hồng Quang	28 064 000 000	28 064 000 000	28 064 000 000		
	8086474	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Vân (đoạn 1: từ nhà ông Cừ đường ĐT.376 cũ đến đường ĐT.376 mới, thôn Tân Viên; đoạn 2: từ nhà ông Sơn đến nhà ông Hiền, thôn Trà Phương)	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8100765	Trường TH&THCS Hồng Vân (Hạng mục: Nhà lớp học khối Tiểu học)	7 170 000 000	7 170 000 000	7 170 000 000		
	8100766	Trường TH&THCS Hồng Vân (Hạng mục: Nhà lớp học khối THCS và PCCC)	6 540 000 000	6 540 000 000	6 540 000 000		
	8100767	Trường TH&THCS Hồng Vân (Hạng mục: Nhà chức năng khối Tiểu học và khối THCS)	7 354 000 000	7 354 000 000	7 354 000 000		
	10	UBND xã Nguyễn Trãi	20 471 000 000	20 267 575 149	20 267 575 149		203 424 851
	8089134	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Nhân Lý (Đoạn 1: Từ nhà anh Hệ đến nhà bà Quảng; Đoạn 2: Từ TL376 cũ qua nhà văn hóa thôn đến đường TL376 mới)	2 832 000 000	2 832 000 000	2 832 000 000		
	8089072	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Nhân Vũ (đoạn từ TL376 mới đến nhà ông Phiếu)	5 444 000 000	5 444 000 000	5 444 000 000		
	8089073	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Mễ Xá (Đoạn 1: Từ đình TL376 cũ đến nhà a Khải xóm 2; Đoạn 2: Từ nhà anh Tín đến TL376 mới)	2 268 000 000	2 268 000 000	2 268 000 000		
	8089131	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Ấp Nhân Lý (Đoạn từ quán Bạc đến cầu ông Khương: đường dọc bờ sông trung thủy nông)	2 300 000 000	2 200 000 000	2 200 000 000		100 000 000
	8089075	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Mão Xuyên (Đoạn từ ngã tư vườn quả đến nghĩa trang nhân dân: tuyến nhánh từ nghĩa trang đến nhà ông Diễn)	4 127 000 000	4 023 575 149	4 023 575 149		103 424 851
	8089133	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT (Đoạn từ Nhân Lý ra TL376 mới)	3 500 000 000	3 500 000 000	3 500 000 000		
	11	UBND xã Quảng Lăng	16 021 000 000	15 536 891 803	15 536 891 803		484 108 197
	8088954	Cải tạo, mở rộng đường GTNT thôn Bình Cầu xã Quảng Lăng (Đoạn từ nhà ông Lại đến nhà ông Quán)	6 360 000 000	5 875 891 803	5 875 891 803		484 108 197
	8088955	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bình Cầu xã Quảng Lăng (Đoạn từ xóm 1 ra đường ĐH.62)	5 900 000 000	5 900 000 000	5 900 000 000		
	8088953	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Quảng Lăng	3 761 000 000	3 761 000 000	3 761 000 000		
	12	UBND xã Đa Lộc	2 000 000 000	2 000 000 000	2 000 000 000		
	8102018	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Văn Nhuệ (đoạn 1 từ nhà ông Khâu đến ĐH61, đoạn 2 từ nhà bà Khoa đến nhà ông Tươi)	2 000 000 000	2 000 000 000	2 000 000 000		
	13	UBND xã Đặng Lễ	10 507 000 000	10 507 000 000	10 507 000 000		
	8097438	Cải tạo, nâng cấp đường trục GTNT xã Đặng Lễ đoạn từ QL.38 đến giáp thôn Lã Xá, xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi	10 507 000 000	10 507 000 000	10 507 000 000		
	14	UBND xã Văn Du	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8097439	Xây dựng Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Văn Du, huyện Ân Thi	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
II	II	HUYỆN KHOÁI CHÂU	217 768 000 000	184 673 147 000	184 673 147 000		33 094 853 000
	1	UBND huyện Khoái Châu	35 000 000 000	5 905 387 000	5 905 387 000		29 094 613 000
	8081887	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm huyện Khoái Châu	30 000 000 000	905 387 000	905 387 000		29 094 613 000

TT	Mã DA	Danh mục công trình, dự án, nhiệm vụ chi	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Giải ngân đến 31/01/2025	Đã bảo đảm nguồn vốn từ nguồn thu năm 2024	Bù đắp nguồn vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022/ tăng thu XSKT các năm	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024
	8125028	Xây dựng Nhà chẩn đoán hình ảnh - xét nghiệm, Nhà hành chính - hội trường và nhà phẫu thuật Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	2	UBND xã Phạm Hồng Thái	21 000 000 000	21 000 000 000	21 000 000 000		
	8020842	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hàm Tử, đoạn từ đường ĐT.377 đến đường ĐH.54	18 000 000 000	18 000 000 000	18 000 000 000		
	8102745	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hàm Tử (Đoạn 1, từ đường nhà Nga Toán đến ông Phùng Đông Kết; Đoạn 2, từ nhà ông Đoát lên đường ĐT.377B)	3 000 000 000	3 000 000 000	3 000 000 000		
	3	UBND xã Tân Châu	20 500 000 000	20 500 000 000	20 500 000 000		
	8093902	Nhà lớp học 3 tầng 09 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học xã Tân Châu	10 000 000 000	10 000 000 000	10 000 000 000		
	8105541	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Tân Châu (Đoạn từ UBND xã Tân Châu đến ngã ba Bà Vũng và kiên cố hóa kênh mương dọc tuyến)	10 500 000 000	10 500 000 000	10 500 000 000		
	4	UBND xã Chí Minh	15 500 000 000	15 500 000 000	15 500 000 000		
	8085548	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đại Hưng (Đường bắc sông Chung, đoạn từ cầu nhà Liễn đến xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8101697	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đại Hưng (điểm đầu Sông 2, điểm cuối Sông Đại Thần, gồm: Đoạn 1, đường Ái nội giữa Đội 4 và Đội 5; Đoạn 2, đường Ái giữa Đội 5 và Đội 6)	3 000 000 000	3 000 000 000	3 000 000 000		
	8097406	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chí Tân (Đoạn 1: Từ gốc Muối đi Đội San thôn Nghi Xuyên; Đoạn 2: Trục giữa sườn mả Nghi Xuyên đi Tân Hưng; Đoạn 3: Trạm bơm Một Máy đi cầu Dừa thôn Tân Hưng; Đoạn 4: Từ nhà ông Pháp đi ô Láng Thùng thôn Cốc Phong; Đoạn 5: Lạch San đi bãi rác thôn Cốc Phong; Đoạn 6: Kênh Tây đi Đông Sen thôn Tân Hưng)	3 000 000 000	3 000 000 000	3 000 000 000		
	8103773	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Chí Tân (Đoạn 1: từ đường ĐH.51 đi nhà Mạnh Hoài; đoạn 2 từ nhà ông Cầu đi nhà Nga Thắng; đoạn 3 từ đường ĐH.51 đi nhà ông Tuấn Xuê; Đoạn 4 đường Ngõ Ông; Đoạn 5 từ nhà bà Lê Sơn đi nhà bà Phương Quý; Đoạn 6 từ đường ĐH.51 qua nhà ông Minh Vinh đi nhà bà Hương Thiên; đoạn 7 từ nhà Anh Thuý đi nhà ông Đô Lợi; đoạn 8 từ nhà Bình Chấn đi nhà ông Khảo Tôn)	4 500 000 000	4 500 000 000	4 500 000 000		
	5	UBND xã Đông Tiến	26 500 000 000	26 499 760 000	26 499 760 000		240 000
	8109213	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đỗ Xá, xã Hồng Tiến	2 000 000 000	2 000 000 000	2 000 000 000		
	8101214	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Cao Quán, xã Hồng Tiến	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8100529	Xây dựng tuyến đường giao thông và hệ thống thoát nước đoạn từ hộ ông Hữu đến cù Ba Xá, xã Hồng Tiến	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8091474	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Đỗ Xá, xã Hồng Tiến	4 500 000 000	4 499 760 000	4 499 760 000		240 000
	8087851	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Tiến (đường xung quanh hồ An Lạc, thôn An Lạc)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8085546	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thổ Khối, xã Đông Tiến	2 500 000 000	2 500 000 000	2 500 000 000		
	8085547	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Kim Tháp, xã Đông Tiến	2 500 000 000	2 500 000 000	2 500 000 000		
	6	UBND xã Đông Kết	4 000 000 000	2 000 000 000	2 000 000 000		2 000 000 000
	8102552	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ cầu sông 10 xóm 1 đi Kênh tây; đoạn từ KT12 đi Quán đỏ, đi trục xã)	2 000 000 000	2 000 000 000	2 000 000 000		
	8102551	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ đường WB2 đi Trường THCS, đi kênh tây)	2 000 000 000				2 000 000 000

TT	Mã DA	Danh mục công trình, dự án, nhiệm vụ chi	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Giải ngân đến 31/01/2025	Đã bảo đảm nguồn vốn từ nguồn thu năm 2024	Bù đắp nguồn vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022/ tăng thu XSKT các năm	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024
	7	UBND xã Ông Đình	11 268 000 000	11 268 000 000	11 268 000 000		
	8100544	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn, thôn 2 xã Ông Đình (đoạn từ nhà bà Lam xuống Cầu Tre)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8091478	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Ông Đình (Đoạn từ gần địa phận xã An Vĩnh đi qua bưu điện lên đến gần địa phận xã Tân Dân; Đoạn từ nhà anh Dũng Thương đi xã Tân Dân)	2 768 000 000	2 768 000 000	2 768 000 000		
	8104784	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ông Đình và một số hạng mục phụ trợ	3 500 000 000	3 500 000 000	3 500 000 000		
	8	UBND thị trấn Khoái Châu	9 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		2 000 000 000
	8101696	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều (Đoạn từ Trạm y tế xã Bình Kiều đi ĐT.384)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8109034	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều (đoạn từ nhà văn hóa thôn Bình Kiều đến nhà ông Trương thôn An Cảnh)	2 000 000 000	2 000 000 000	2 000 000 000		
	8122798	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều (đoạn từ nhà ông Trương thôn An Cảnh đến đường ĐT.383)	2 000 000 000				2 000 000 000
	9	UBND xã Tân Dân	4 500 000 000	4 500 000 000	4 500 000 000		
	8102807	Cải tạo, mở rộng các tuyến đường GT thôn Bãi Sậy 3, xã Tân Dân (Đoạn 1: từ nhà ông Khắc đến nhà ông Chín Nghiệp; Đoạn 2: từ nhà ông Chuyên đến nhà ông Chính; Đoạn 3: từ nhà ông Thu đi cánh đồng thôn Bãi Sậy 3)	4 500 000 000	4 500 000 000	4 500 000 000		
	10	UBND xã Bình Minh	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8116433	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Minh (Đoạn 1: từ đường ĐH.25 nhà ông Chương Tuyên đi Máng Kênh Tây; Đoạn 2: Từ đường ĐH.25 đi xứ đồng Luồng Âu; Đoạn 3: Từ Đường 5 tiếp giáp cửa Đền đi ĐT.382)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8097634	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Bình Minh	2 000 000 000	2 000 000 000	2 000 000 000		
	11	UBND xã Đông Ninh	13 000 000 000	13 000 000 000	13 000 000 000		
	8077265	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Ninh (đoạn từ đường bê tông đội 8 đến đội 10, giáp đình thôn Nội Doanh)	3 000 000 000	3 000 000 000	3 000 000 000		
	8100525	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Đông Ninh (Đoạn từ ngõ ông Thân đến cuối ngõ ông Thăng Nội Doanh)	10 000 000 000	10 000 000 000	10 000 000 000		
	12	UBND xã Nguyễn Huệ	6 800 000 000	6 800 000 000	6 800 000 000		
	8100579	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhuế Dương (đoạn nối từ ĐH.59B đến đê 378)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8100528	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Thành Công (Đoạn đường từ ruộng nhà ông Chương đến ruộng nhà bà Liên thôn Hương Quất 2)	1 800 000 000	1 800 000 000	1 800 000 000		
	13	UBND xã Dân Tiến	22 500 000 000	22 500 000 000	22 500 000 000		
	8100526	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Đào Viên và thôn Mậu Lâm, xã Dân Tiến	4 000 000 000	4 000 000 000	4 000 000 000		
	8112758	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn thôn Đào Viên, xã Dân Tiến (Đoạn từ nhà Hương Thơm đến cổng T35)	4 500 000 000	4 500 000 000	4 500 000 000		
	8108468	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến (Đoạn 1, từ nhà ông Mạnh Hường đến nhà anh Bùng; Đoạn 2, từ nhà ông Đạt đến nhà anh Yên Bắc; Đoạn 3, từ nhà anh Hà đến nhà ông Nam; Đoạn 4, từ nhà ông Kiện đến nhà ông Thành)	3 500 000 000	3 500 000 000	3 500 000 000		
	8110256	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến (Đoạn 1, nhà Vinh Ánh đến nhà Tinh Hiền; Đoạn 2, nhà ông Loan đến nhà bà Tổ; Đoạn 3, nhà Hiền Hưng đến nhà Hiền Thành; Đoạn 4, nhà Thanh Hòa đến nhà Hoa Miện; Đoạn 5, nhà Đức đến nhà Hiền Toán)	6 000 000 000	6 000 000 000	6 000 000 000		

TT	Mã DA	Danh mục công trình, dự án, nhiệm vụ chi	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Giải ngân đến 31/01/2025	Đã bảo đảm nguồn vốn từ nguồn thu năm 2024	Bù đắp nguồn vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022/ tăng thu XSKT các năm	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024
	8100527	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn thôn An Bình, xã Dân Tiến (Đoạn 1, từ nhà Thành Nguyệt đến nhà ông Thệ; Đoạn 2, từ nhà Tinh Diễm đến nhà ông Lâm; Đoạn 3, từ nhà ông Nghĩa đến nhà Hai Ban; Đoạn 4, từ nhà ông Vũ đến nhà Lan Sáu)	4 500 000 000	4 500 000 000	4 500 000 000		
	14	UBND xã Phùng Hưng	16 200 000 000	16 200 000 000	16 200 000 000		
	8100299	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (đoạn từ Ngõ Chùa đến Ngõ Thị; đoạn từ đình làng Tiểu quan đến Cầu Trâm)	3 700 000 000	3 700 000 000	3 700 000 000		
	8100530	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ nhà cụ Lê Tiến Xương đến nhà ông Mạnh; Tuyến đường Đồi Nhội, đoạn từ nhà ông bà Kha Quế đến ĐT.384; Đoạn từ giếng xóm 1 đến bờ máng kênh đồng)	6 000 000 000	6 000 000 000	6 000 000 000		
	8100531	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ công chợ Tiểu Quan đến nhà Thụ Đóa; Đoạn từ nhà ông Thụy đến Trường Mầm non xóm 4; Đoạn từ đình làng Tiểu Quan đi bờ máng Kênh Đông xóm 4)	6 500 000 000	6 500 000 000	6 500 000 000		
	15	UBND xã Thuận Hưng	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8091477	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thuận Hưng (Tuyến đường từ Ngân hàng chợ Giàn đi đến nhà ông bà Tuyên Loan thôn 1)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	III	HUYỆN KIM ĐỘNG	265 740 000 000	242 455 646 754	242 455 646 754		23 284 353 246
	1	BQLDA đầu tư xây dựng huyện Kim Động	117 673 000 000	94 388 646 754	94 388 646 754		23 284 353 246
	7991816	Xây dựng ĐT.377 (đường quy hoạch mới), đoạn từ điểm giao với ĐH.73 đến điểm giao với ĐT.376	54 775 000 000	42 953 822 121	42 953 822 121		11 821 177 879
	8117141	Xây dựng cầu Phú Cốc, xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động	14 000 000 000	8 788 996 100	8 788 996 100		5 211 003 900
	7971956	Nạo vét, kè và xây cống trên sông Mỏ Quạ, huyện Kim Động	11 098 000 000	10 000 000 000	10 000 000 000		1 098 000 000
	8035557	Nhà khám bệnh ngoại trú kết hợp khối hành chính, Trung tâm Y tế huyện Kim Động	5 000 000 000				5 000 000 000
	7961933	Cải tạo, nâng cấp ĐH.75 huyện Kim Động	10 000 000 000	10 000 000 000	10 000 000 000		
	7874157	Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ phòng chống lụt bão huyện Kim Động	2 800 000 000	2 645 828 533	2 645 828 533		154 171 467
	8094036	Nâng cấp, cải tạo đường vào Trường bán xã Hiệp Cường	20 000 000 000	20 000 000 000	20 000 000 000		
	2	UBND xã Vĩnh Xá	8 000 000 000	8 000 000 000	8 000 000 000		
	8104446	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (đoạn qua thôn Đào Xá)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8092767	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (đoạn từ đập ba nhóm đến máng nổi thôn Ngõ Xá)	3 000 000 000	3 000 000 000	3 000 000 000		
	3	UBND xã Ngọc Thanh	27 345 000 000	27 345 000 000	27 345 000 000		
	8093903	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Ngọc Thanh (Tuyến 1: Từ Hạt Quản lý đê điều huyện Kim Động đến nhà ông Chính; Tuyến 2: Từ chân đê đến nhà ông Nhân, thôn Phụng Lâu; Tuyến 3: Xây dựng đường và kiên cố mương thoát nước, thôn Phụng Lâu)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8093901	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Thanh (Tuyến 1: Từ ngã tư nhà ông Lự đến trường THCS xã; Tuyến 2: Từ dốc ông Hạ đến dốc nhà bà Xê, thôn Duyên Yên)	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8093904	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Thanh (Giai đoạn 2: Đoạn từ chợ Gò đến ngã tư Duyên Yên và đoạn từ UBND xã đến ĐT.378)	6 845 000 000	6 845 000 000	6 845 000 000		
	8099528	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Thanh (Đoạn từ Điểm Ngồi đến nghĩa trang thôn Thanh Cù và Đoạn từ nhà ông Bộ đến Trạm y tế xã Ngọc Thanh)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8082427	Xây dựng Trạm Y tế xã Ngọc Thanh	3 500 000 000	3 500 000 000	3 500 000 000		
	4	UBND xã Hiệp Cường	21 000 000 000	21 000 000 000	21 000 000 000		
	8105458	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hiệp Cường (đoạn từ cổng trường tiểu học đến cổng nhà ông Tỉnh)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8119595	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hiệp Cường (Đoạn từ cầu Đồng Lương đến ngã ba nhà ông Toàn)	4 000 000 000	4 000 000 000	4 000 000 000		

TT	Mã DA	Danh mục công trình, dự án, nhiệm vụ chi	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Giải ngân đến 31/01/2025	Đã bảo đảm nguồn vốn từ nguồn thu năm 2024	Bù đắp nguồn vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022/ tăng thu XSKT các năm	Điều chỉnh giám kế hoạch đầu tư công năm 2024
	8080793	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hiệp Cường (Đoạn 1: Từ nương cứng cánh Mã Chanh đến đường bê tông cửa Đình Lương Xá; Đoạn 2: Từ ruộng nhà bà Sùng qua kênh cứng đến đa cánh Ao Ngoat, thôn Trà Lâm)	3 000 000 000	3 000 000 000	3 000 000 000		
	8121559	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hiệp Cường (Tuyến 1: Từ nhà bà Bích Tình đến nhà ông Trần; Tuyến 2: Từ nhà ông Nghĩa đến cánh đồng vườn Hàu)	3 000 000 000	3 000 000 000	3 000 000 000		
	8113204	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng học Trường THCS Hiệp Cường	6 000 000 000	6 000 000 000	6 000 000 000		
	5	UBND xã Song Mai	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8100941	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Song Mai (Tuyến 01 từ Cổng làng thôn Miêu Nha đến qua nhà ông Văn thôn Miêu Nha; Tuyến 02 từ nhà bà Vờn đến nhà ông Hải thôn Phán Thủy; Tuyến 03 từ Miếu Bà đến bờ Giếng thôn Mai Viên)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	6	UBND xã Toàn Thắng	2 900 000 000	2 900 000 000	2 900 000 000		
	8093900	Mở rộng, nâng cấp đường GTNT (đoạn từ cầu Đồng An đến chùa Trung Đức), xã Toàn Thắng	2 900 000 000	2 900 000 000	2 900 000 000		
	7	UBND xã Nghĩa Dân	19 100 000 000	19 100 000 000	19 100 000 000		
	8100943	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông xã Nghĩa Dân (Đoạn từ Trạm điện đến cụm công nghiệp Phạm Ngũ Lão - Nghĩa Dân giáp thôn Thổ Cầu; Đoạn từ cửa Đình đến cụm công nghiệp Phạm Ngũ Lão - Nghĩa Dân giáp thôn Thổ Cầu và từ nhà văn hóa thôn Thổ Cầu đến cánh Cừu ao thôn Thổ Cầu)	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8100944	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông xã Nghĩa Dân (Đoạn từ nhà ông Sứ đến cù Mã Cửa thôn Đào Lâm; đoạn từ Đồng Lâm đến cù Đồng Quan thôn Đào Lâm; đoạn từ nhà ông Cường đến nghĩa trang thôn Đào Lâm; đoạn từ nhà ông Phi đến nhà ông Oánh thôn Đào Lâm)	6 000 000 000	6 000 000 000	6 000 000 000		
	8100942	Xây dựng cầu Đền thôn Trúc Cầu, xã Nghĩa Dân	6 100 000 000	6 100 000 000	6 100 000 000		
	8	UBND xã Chính Nghĩa	2 500 000 000	2 500 000 000	2 500 000 000		
	8098896	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Dưỡng Phú, xã Chính Nghĩa (đoạn từ nhà ông Thịnh đến đường ĐH.70)	2 500 000 000	2 500 000 000	2 500 000 000		
	9	UBND xã Đồng Thanh	12 500 000 000	12 500 000 000	12 500 000 000		
	8086480	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bùi Xá, xã Đồng Thanh (đoạn từ ĐH.75 đến nhà Đông Lành)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8082429	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bùi Xá, xã Đồng Thanh (đoạn từ Tài Thương đến nhà bà Hiền Sờ)	1 500 000 000	1 500 000 000	1 500 000 000		
	8082428	Xây dựng Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Bùi Xá, xã Đồng Thanh	2 000 000 000	2 000 000 000	2 000 000 000		
	8106348	Xây dựng phòng học bộ môn 3 tầng 9 phòng Trường THCS Đồng Thanh	4 000 000 000	4 000 000 000	4 000 000 000		
	10	UBND xã Ngũ Lão	19 722 000 000	19 722 000 000	19 722 000 000		
	8082426	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Tiên Quán, xã Phạm Ngũ Lão (Tuyến 1, từ nhà bà Lâu đến Đình làng Tiên Quán; Tuyến 2, từ nhà ông Xê đến đường bê tông giáp nhà ông Luận; Tuyến 3, từ nhà bà Dương đến nhà ông Lân; Tuyến 4, từ nhà bà Chính đến ông Tự; Tuyến 5, từ nhà ông Sầm đến nhà ông Thuận)	2 000 000 000	2 000 000 000	2 000 000 000		
	8106858	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phạm Ngũ Lão (Đoạn 1, từ đường QL38 vào đến đầu cầu Phú Cốc; Đoạn 2, từ cầu Phú Cốc vào đến cửa nhà ông Duy)	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8106857	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phạm Ngũ Lão (Đoạn từ nhà ông Quýnh đến nhà ông Tuấn)	3 000 000 000	3 000 000 000	3 000 000 000		
	8039938	Xây dựng Trường mầm non xã Phạm Ngũ Lão	7 722 000 000	7 722 000 000	7 722 000 000		

TT	Mã DA	Danh mục công trình, dự án, nhiệm vụ chi	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Giải ngân đến 31/01/2025	Đã bảo đảm nguồn vốn từ nguồn thu năm 2024	Bù đắp nguồn vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022/ tăng thu XSKT các năm	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024
	11	UBND xã Phú Thọ	13 000 000 000	13 000 000 000	13 000 000 000		
	8106346	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Thịnh (Đoạn từ đê 378 đến đê bồi thoát lũ sông Hồng)	4 000 000 000	4 000 000 000	4 000 000 000		
	8119760	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Thịnh (Đoạn từ ngã tư giáp UBND xã Phú Thịnh đến đường trục xã Thọ Vinh)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8127154	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Thịnh (Đoạn từ ĐT.378 đến đê bồi)	4 000 000 000	4 000 000 000	4 000 000 000		
	12	UBND xã Mai Động	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8119761	Trường Mầm non Trung tâm xã Mai Động (Hạng mục: Nhà lớp học 10 phòng học và một số hạng mục phụ trợ)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	13	UBND xã Diên Hồng	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8119594	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vũ Xá (Đoạn từ đường ĐH.70 đến cầu Bình Đới)	4 000 000 000	4 000 000 000	4 000 000 000		
	8099527	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Mát, xã Nhân La (Đoạn từ đường nối cao tốc HN-HP đến nhà ông Quyết)	3 000 000 000	3 000 000 000	3 000 000 000		
	14	UBND xã Đức Hợp	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8086479	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đức Hợp (Tuyến 1: Từ ngõ nhà ông Ngọt đến đường vào Khu Đông; Tuyến 2: Từ nhà ông Mạnh đến nhà ông Chanh Khu đội 11, thôn Đức Phú; Tuyến 3: Từ ngã tư An Lạc đến xã Mai Động)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
IV	IV	THỊ XÃ MỸ HÀO	70 154 000 000	70 154 000 000	70 154 000 000		
	1	UBND TX Mỹ Hào	24 212 000 000	24 212 000 000	24 212 000 000		
	8002826	Cải tạo mở rộng đường trục trung tâm đoạn từ nút giao bến xe đến ĐT.387	3 836 000 000	3 836 000 000	3 836 000 000		
	8007829	Xây dựng tuyến đường từ QL.39 (chân cầu vượt phố Nối) qua tổ dân phố Đào Du (phường Phùng Chí Kiên)	4 876 000 000	4 876 000 000	4 876 000 000		
	7843941	Đường trục phường Bạch Sam, thị xã Mỹ Hào (đoạn từ QL.5A đến đường trục trung tâm đô thị Mỹ Hào)	15 500 000 000	15 500 000 000	15 500 000 000		
	2	UBND xã Dương Quang	30 942 000 000	30 942 000 000	30 942 000 000		
	8102743	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT các thôn Hiền Dương, Vũ Xá, Lê Xá xã Dương Quang	15 000 000 000	15 000 000 000	15 000 000 000		
	8102678	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT các thôn Dương Xá, Phú Hữu, xã Dương Quang	15 942 000 000	15 942 000 000	15 942 000 000		
	3	UBND xã Hưng Long	15 000 000 000	15 000 000 000	15 000 000 000		
	8102648	Cải tạo, nâng cấp đường trục Máy Kéo xã Hưng Long, thị xã Mỹ Hào	15 000 000 000	15 000 000 000	15 000 000 000		
	V	HUYỆN PHÙ CÙ	111 708 000 000	110 053 116 337	110 053 116 337		1 654 883 663
	1	UBND huyện Phù Cù	3 557 000 000	3 557 000 000	3 557 000 000		
	7994536	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp trung tâm y tế huyện Phù Cù	3 557 000 000	3 557 000 000	3 557 000 000		
	2	BQLDA đầu tư xây dựng huyện Phù Cù	4 776 000 000	3 232 545 337	3 232 545 337		1 543 454 663
	7904325	Tuyến tránh QL.38B qua địa phận huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên (đoạn từ vị trí giáp ranh giữa 2 xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ và xã Đình Cao, huyện Phù Cù đến ĐH.80)	4 776 000 000	3 232 545 337	3 232 545 337		1 543 454 663
	3	UBND xã Tiên Tiến	13 200 000 000	13 200 000 000	13 200 000 000		
	8096736	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tiên Tiến (Đoạn 1: Từ khu dân cư mới thôn Hoàng Xá đến đường nhựa thôn Nại Khê; Đoạn 2: Từ đường ĐT.386 đến cống Gù, thôn Nại Khê)	3 200 000 000	3 200 000 000	3 200 000 000		
	8090984	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Tiến (Đoạn 1: Từ đường ĐH.64 thôn Phù Oanh đến thôn Kim Phương; Đoạn 2: Từ nhà ông Thắng xóm Rèn đến giáp xã Tam Đa)	10 000 000 000	10 000 000 000	10 000 000 000		

TT	Mã DA	Danh mục công trình, dự án, nhiệm vụ chi	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Giải ngân đến 31/01/2025	Đã bảo đảm nguồn vốn từ nguồn thu năm 2024	Bù đắp nguồn vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022/ tăng thu XSKT các năm	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024
	4	UBND xã Quang Hưng	6 000 000 000	6 000 000 000	6 000 000 000		
	8123302	Xây dựng đường GTNT xã Quang Hưng (đoạn quanh ao đình Quang Xá)	6 000 000 000	6 000 000 000	6 000 000 000		
	5	UBND xã Minh Tân	20 775 000 000	20 663 571 000	20 663 571 000		111 429 000
	8107401	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Duyệt Lễ, thôn Duyệt Văn, xã Minh Tân	15 775 000 000	15 663 571 000	15 663 571 000		111 429 000
	8103398	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Duyệt Văn, xã Minh Tân (Đoạn từ nhà ông Độ qua nhà ông Lan Đình đến nhà ông Thành Phiến)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	6	UBND xã Nguyễn Hòa	15 000 000 000	15 000 000 000	15 000 000 000		
	8091630	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyễn Hòa (Đoạn từ ĐT.386 đến nhà ông Thi xóm Tiền Phong)	6 000 000 000	6 000 000 000	6 000 000 000		
	8107409	Xây dựng đường GTNT xã Nguyễn Hòa (Đoạn quanh hồ Thị Giang)	9 000 000 000	9 000 000 000	9 000 000 000		
	7	UBND xã Tổng Trân	25 900 000 000	25 900 000 000	25 900 000 000		
	8103313	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tổng Trân (Đoạn từ dốc nhà văn hóa Võng Phan đến nhà ông Thuận, thôn An Cầu)	25 900 000 000	25 900 000 000	25 900 000 000		
	8	UBND xã Phan Sào Nam	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8103869	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phan Sào Nam (Tuyến 1: Đoạn từ cổng ông Bông đến trạm bơm thôn Phương Bò giáp ĐH.64; Tuyến 2: Đoạn từ giao tuyến 1 đến giáp ĐH.64; Tuyến 3: Đoạn từ nhà ông Công đến nhà ông Hải xóm 6 thôn Trà Bò; Tuyến 4: Đoạn từ nhà ông Yên qua công ho Nguyễn Đăng đến nhà ông Hôi)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	9	UBND xã Đoàn Đào	17 500 000 000	17 500 000 000	17 500 000 000		
	8103399	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Đào (Đoạn từ ĐH.81 đến trạm điện 110)	17 500 000 000	17 500 000 000	17 500 000 000		
	VI	HUYỆN TIÊN LŨ	147 865 000 000	147 639 028 000	147 639 028 000		225 972 000
	1	BQLDA đầu tư xây dựng huyện Tiên Lữ	21 000 000 000	21 000 000 000	21 000 000 000		
	8040475	Xây dựng mở rộng cầu Phố Giác, huyện Tiên Lữ	21 000 000 000	21 000 000 000	21 000 000 000		
	2	UBND xã Hưng Đạo	31 100 000 000	30 874 028 000	30 874 028 000		225 972 000
	8102905	Trường mầm non Trung tâm xã Hưng Đạo	10 000 000 000	10 000 000 000	10 000 000 000		
	8096733	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Tam Nông, xã Hưng Đạo (Đoạn từ nhà ông Cấn đến cầu nối sang thôn Muội Sắng)	10 500 000 000	10 500 000 000	10 500 000 000		
	8102890	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Đạo (đoạn từ nhà ông Hoàn đến đường nối Cao Tốc)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8096734	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Dung, xã Hưng Đạo (Đoạn từ nhà ông Vĩnh đến nhà ông Ngọc)	5 600 000 000	5 374 028 000	5 374 028 000		225 972 000
	3	UBND xã Thiện Phiến	12 400 000 000	12 400 000 000	12 400 000 000		
	8096735	Xây dựng cầu Minh Tân, xã Thiện Phiến	7 400 000 000	7 400 000 000	7 400 000 000		
	8103380	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Diệt Pháp và thôn Tân Khai, xã Thiện Phiến	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	4	UBND xã Đức Thắng	21 061 000 000	21 061 000 000	21 061 000 000		
	8094228	Xây dựng cầu ông Khôi thôn An Lạc, xã Đức Thắng	7 300 000 000	7 300 000 000	7 300 000 000		
	8103381	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đức Thắng (Tuyến 1: đoạn từ cổng bà Hôi đến ĐH.90 và đoạn từ ĐH.90 đến đình làng Lạc Dục; Tuyến 2: đoạn từ nhà ông Hào đến đồng Am và đoạn từ nhà ông Khuông đến nhà ông Cát; Tuyến 3: đoạn từ nhà ông Sắc đến ĐH.92)	6 261 000 000	6 261 000 000	6 261 000 000		
	8108624	Xây dựng nhà lớp học bộ môn 2 tầng 6 phòng, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học - THCS Đức Thắng	7 500 000 000	7 500 000 000	7 500 000 000		

TT	Mã DA	Danh mục công trình, dự án, nhiệm vụ chi	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Giải ngân đến 31/01/2025	Đã bảo đảm nguồn vốn từ nguồn thu năm 2024	Bù đắp nguồn vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022/ tăng thu XSKT các năm	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024
	5	UBND xã Ngô Quyền	8 500 000 000	8 500 000 000	8 500 000 000		
	8096157	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ Cầu Nai đến Giếng Tân Tiến - thôn Trịnh Mỹ, xã Ngô Quyền	8 500 000 000	8 500 000 000	8 500 000 000		
	6	UBND xã Minh Phương	8 000 000 000	8 000 000 000	8 000 000 000		
	8096156	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Mai Xá, xã Minh Phương (đoạn từ nhà ông Vũ đến nhà ông Cách; thôn Diềm Tây, xã Minh Phương đoạn từ nhà ông Hường đến nhà ông Ngọc; thôn Diềm Đông, xã Minh Phương đoạn I từ nhà ông Sở đến nhà ông Thìn, đoạn II từ nhà ông Nhung đến nhà ông Bi)	8 000 000 000	8 000 000 000	8 000 000 000		
	7	UBND xã An Viên	3 540 000 000	3 540 000 000	3 540 000 000		
	8101765	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An Viên (đoạn từ ĐH.72 đến ngã tư chợ Nội; từ nhà ông Lê Thái đến ĐH.72; từ quan thần ninh Mã Mèn thôn Nội Mai đến xã Thủ Sỹ)	3 540 000 000	3 540 000 000	3 540 000 000		
	8	UBND xã Nhật Tân	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8093515	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhật Tân (Tuyến 1: Từ nhà bà Mậu đến nhà bà Tuyền; Tuyến 2: Từ nhà ông Hiền đến nhà ông Dũng; Tuyến 3: Từ nhà bà Phương đến sau Quán; Tuyến 4: Từ nhà ông Chi đến nhà ông Lân; Tuyến 5: Từ nhà ông Minh đến nhà ông An)	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	9	UBND xã Hải Triều	35 264 000 000	35 264 000 000	35 264 000 000		
	8103312	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều (Đoạn từ cây xăng cũ đến ĐH.92 nhánh 2)	15 264 000 000	15 264 000 000	15 264 000 000		
	8108481	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều (Đoạn từ cửa hàng đến đường ĐT.376)	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8108480	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều (Đoạn từ ĐT.376 đến nhà văn hóa thôn Triều Dương)	6 000 000 000	6 000 000 000	6 000 000 000		
	8018129	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Triều Dương, xã Hải Triều (đoạn từ đường tránh QL.38 đến Đền thờ Bác Hồ)	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	VII	HUYỆN VĂN GIANG	117 327 000 000	110 753 752 888	110 753 752 888		6 573 247 112
	1	UBND huyện Văn Giang	57 000 000	57 000 000	57 000 000		
	7732223	Đầu tư xây dựng công trình, cải tạo, nâng cấp đường ĐH.24, huyện Văn Giang (đoạn từ Km0+000 đến Km2+800) và đoạn từ Km4+900 đến Km7+100)	57 000 000	57 000 000	57 000 000		
	2	BQLDA đầu tư xây dựng huyện Văn Giang	69 230 000 000	62 656 752 888	62 656 752 888		6 573 247 112
	7954161	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐH.22 kéo dài từ ĐH.23 đến ĐT.379	10 000 000 000	10 000 000 000	10 000 000 000		
	8096666	Nâng cấp, cải tạo trung tâm y tế huyện Văn Giang	25 000 000 000	23 568 915 953	23 568 915 953		1 431 084 047
	8105139	Dự án đường ven sông Hồng, đoạn từ đường quy hoạch B=32m tại thông Phi Liệt xã Liên Nghĩa đến đường quy hoạch vành đai 4 tại thôn Phú Trạch xã Mễ Sở, huyện Văn Giang	20 000 000 000	20 000 000 000	20 000 000 000		
	8099815	Dự án đầu tư xây dựng đường Đông Tây I đoạn từ ĐT.378 đến ĐT.382B	14 230 000 000	9 087 836 935	9 087 836 935		5 142 163 065
	3	UBND xã Mễ Sở	8 000 000 000	8 000 000 000	8 000 000 000		
	8103845	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông thôn Mễ Sở và thôn Nhạn Tháp, xã Mễ Sở	4 000 000 000	4 000 000 000	4 000 000 000		
	8103846	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông thôn Phú Trạch và thôn Đồng Quê, xã Mễ Sở	4 000 000 000	4 000 000 000	4 000 000 000		
	4	UBND xã Long Hưng	3 500 000 000	3 500 000 000	3 500 000 000		
	8092252	Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên Khu văn hóa thôn Như Lân	3 500 000 000	3 500 000 000	3 500 000 000		
	5	UBND xã Vĩnh Khúc	4 000 000 000	4 000 000 000	4 000 000 000		
	8103844	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Giáo Phòng, xã Vĩnh Khúc	4 000 000 000	4 000 000 000	4 000 000 000		

TT	Mã DA	Danh mục công trình, dự án, nhiệm vụ chi	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Giải ngân đến 31/01/2025	Đã bảo đảm nguồn vốn từ nguồn thu năm 2024	Bù đắp nguồn vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022/ tăng thu XSKT các năm	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024
	6	UBND xã Cửu Cao	10 489 000 000	10 489 000 000	10 489 000 000		
	8120826	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Vàng và ngầm hóa kênh tiêu KT0 (đoạn từ ĐT.379B đến đường phía Tây) xã Cửu Cao	10 489 000 000	10 489 000 000	10 489 000 000		
	7	UBND xã Tân Tiến	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8105143	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Tiến (đoạn từ ĐT.379 đi thôn Đa Ngưu)	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8	UBND xã Thăng Lợi	4 000 000 000	4 000 000 000	4 000 000 000		
	8105138	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thăng Lợi	4 000 000 000	4 000 000 000	4 000 000 000		
	9	UBND xã Phụng Công	10 904 000 000	10 904 000 000	10 904 000 000		
	8105142	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phụng Công (làng nghề hoa, cây cảnh)	10 904 000 000	10 904 000 000	10 904 000 000		
	10	UBND xã Xuân Quan	147 000 000	147 000 000	147 000 000		
	8002878	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Quan (đoạn từ nhà văn hóa thôn 10 đến nghĩa trang thôn 4 và đoạn từ nghĩa trang thôn 4 đến ĐT.379B)	147 000 000	147 000 000	147 000 000		
	VIII	HUYỆN VĂN LÂM	209 939 000 000	162 672 966 125	162 672 966 125		47 266 033 875
	1	UBND huyện Văn Lâm	8 073 000 000	6 051 434 054	6 051 434 054		2 021 565 946
	7646166	Đường nối Cụm công nghiệp Tân Quang với Quốc lộ 5 (đoạn từ đường trục chính cụm Công nghiệp Tân Quang đến Công ty cổ phần cơ khí xây dựng công trình I)	8 073 000 000	6 051 434 054	6 051 434 054		2 021 565 946
	2	BQL dự án ĐTXD huyện Văn Lâm	125 462 000 000	80 220 310 071	80 220 310 071		45 241 689 929
	7954405	Xây dựng ĐH.15 (đoạn từ Công ty Acecook đến cụm công nghiệp Minh Khai)	32 713 000 000	21 333 877 905	21 333 877 905		11 379 122 095
	8091289	Xây dựng cầu Ngọc Quỳnh 2 trên đường trục thị trấn Như Quỳnh	25 000 000 000	20 268 095 469	20 268 095 469		4 731 904 531
	8067492	Xây dựng Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và các hạng mục phụ trợ - Trường THCS Trưng	5 000 000 000				5 000 000 000
	8062722	Xây dựng nhà lớp học kết hợp một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ - Trường tiểu học Như Quỳnh, điểm trường thôn Ngô Xuyên	12 000 000 000	5 974 149 000	5 974 149 000		6 025 851 000
	7954404	Cải tạo, nâng cấp ĐT.385 (đoạn từ Km3+150 đến Km 7+750)	28 422 000 000	26 409 610 197	26 409 610 197		2 012 389 803
	7954406	Dự án nâng cấp, mở rộng đường nối từ Trung tâm giáo dục thường xuyên đến ngã ba bư	6 327 000 000	6 137 067 500	6 137 067 500		189 932 500
	8114861	Cải tạo, nâng cấp nút giao giữa ĐH.18 và QL.5 tại Km13+500	6 000 000 000				6 000 000 000
	8114862	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm y tế huyện Văn Lâm	10 000 000 000	97 510 000	97 510 000		9 902 490 000
	3	UBND xã Tân Quang	1 500 000 000	1 500 000 000	1 500 000 000		
	8015165	Nhà văn hóa thôn Bình Lương, xã Tân Quang	1 500 000 000	1 500 000 000	1 500 000 000		
	4	UBND xã Chỉ Đạo	10 000 000 000	10 000 000 000	10 000 000 000		
	8102421	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 18 phòng Trường THCS Chỉ Đạo	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8121490	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chỉ Đạo (đoạn từ cổng Bùng đến nhà ông Quang thôn Nghĩa Lộ và đoạn từ nhà ông Quang đến dốc Rùa giao ĐT.385)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	5	UBND xã Lương Tài	12 000 000 000	12 000 000 000	12 000 000 000		
	8118792	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Khuốc Bến, xã Lương Tài	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8116439	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lương Tài (Đoạn từ bư điện đến đường ĐT.385)	2 000 000 000	2 000 000 000	2 000 000 000		
	8090985	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lương Tài (Đoạn từ đường ĐH.15 đi thôn Xuân Đào và thôn Đông Trại)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	6	UBND xã Lạc Đạo	15 000 000 000	14 997 222 000	14 997 222 000		2 778 000
	8091287	Nhà văn hóa thôn Trinh, xã Lạc Đạo	3 000 000 000	3 000 000 000	3 000 000 000		
	8126355	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hùng Trì, xã Lạc Đạo	2 000 000 000	2 000 000 000	2 000 000 000		

TT	Mã DA	Danh mục công trình, dự án, nhiệm vụ chi	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Giải ngân đến 31/01/2025	Đã bảo đảm nguồn vốn từ nguồn thu năm 2024	Bù đắp nguồn vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022/ tăng thu XSKT các năm	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024
	8121128	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lạc Đạo (Đoạn 1, từ Trường Tiểu học đến ngã ba cây đa thôn Xanh Tý; Đoạn 2, tuyến đường hàng Cộc thôn Ngọc; Đoạn 3, từ ngã tư Đàng Kiểm đến trạm bơm Mạ Cả thôn Hùng Trì)	6 000 000 000	6 000 000 000	6 000 000 000		
	8121130	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Ngọc, xã Lạc Đạo (Đoạn 1, từ ngõ Cầu Gạch đi nhà ông Vời và nhà ông Hùng; Đoạn 2, từ nhà ông Lâm đến nhà ông Chử, Bích)	4 000 000 000	3 997 222 000	3 997 222 000		2 778 000
	7	UBND xã Đại Đồng	15 500 000 000	15 500 000 000	15 500 000 000		
	8100370	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đại Từ, xã Đại Đồng (Đoạn 1, từ đường Asphalt trực thôn đến nhà văn hóa xóm Trầu; Đoạn 2, từ nhà văn hóa xóm Đình Đông đến đường ĐT.385; Đoạn 3, từ Chùa đến xóm Đình Đông)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8121129	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đại Bi, thôn Bùng Đông, thôn Lộng Thượng, xã Đại Đồng	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8126356	Nhà hiệu bộ Trường Tiểu học xã Đại Đồng	5 500 000 000	5 500 000 000	5 500 000 000		
	8	UBND xã Việt Hưng	3 500 000 000	3 500 000 000	3 500 000 000		
	8126586	Nhà hiệu bộ Trường Tiểu học xã Việt Hưng	3 500 000 000	3 500 000 000	3 500 000 000		
	9	UBND xã Trung Trắc	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	8112163	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Trai Túc, thôn Mộc Ty và thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trắc	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	10	UBND xã Đình Dù	13 904 000 000	13 904 000 000	13 904 000 000		
	8102679	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Ngải Dương và thôn Xuân Lôi, xã Đình Dù	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8102744	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Thị Trung và thôn Đình Dù, xã Đình Dù	6 904 000 000	6 904 000 000	6 904 000 000		
	IX	HUYỆN YÊN MỸ	262 264 000 000	213 104 607 200	213 104 607 200		49 159 392 800
	1	UBND huyện Yên Mỹ	152 047 000 000	102 887 607 200	102 887 607 200		49 159 392 800
	7963860	Cải tạo, nâng cấp ĐT.376 đoạn từ địa phận xã Ngọc Long (Km6+050) đến địa phận xã Tân Việt (Km12+200)	22 162 000 000				22 162 000 000
	7963861	Xây dựng tuyến đường từ QL.39 đến ĐH.42 kéo dài, huyện Yên Mỹ	6 385 000 000	6 385 000 000	6 385 000 000		
	8035775	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.20 (từ cầu Tráng Vũ đến hết địa phận xã Đông Than, huyện Yên Mỹ)	14 000 000 000	11 237 231 000	11 237 231 000		2 762 769 000
	8035755	Nhà kỹ thuật nghiệp vụ và cấp cứu Trung tâm y tế huyện Yên Mỹ	25 000 000 000	25 000 000 000	25 000 000 000		
	7640897	Đầu tư XD công trình đường quy hoạch số 1 huyện Yên Mỹ	200 000 000				200 000 000
	7665347	Nâng cấp đường dọc sông, kè chống sạt lở và nạo vét sông Cầu Treo, huyện Yên Mỹ	4 300 000 000	3 108 612 200	3 108 612 200		1 191 387 800
	8035774	Đường tránh ĐT.376 đoạn qua huyện Yên Mỹ và Ân Thi	80 000 000 000	57 156 764 000	57 156 764 000		22 843 236 000
	2	UBND xã Việt Yên	15 972 000 000	15 972 000 000	15 972 000 000		
	8032073	Xây dựng Trường THCS xã Việt Cường	2 372 000 000	2 372 000 000	2 372 000 000		
	8101401	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Việt Cường (Đoạn của các thôn Mỹ Xá, thôn Thanh Xá và thôn Thái Nội)	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8109315	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn xã Việt Cường (trục chính thôn Thanh Xá, thôn Mỹ Xá)	1 600 000 000	1 600 000 000	1 600 000 000		
	8110297	Xây dựng cầu GTNT xã Yên Hòa (Cầu qua sông Từ Hồ-Sài Thị)	5 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		
	3	UBND xã Tân Việt	10 000 000 000	10 000 000 000	10 000 000 000		
	8076017	Hỗ trợ đầu tư dự án Nhà lớp học 4 tầng và một số hạng mục phụ trợ trường THCS Tân Việt	10 000 000 000	10 000 000 000	10 000 000 000		

TT	Mã DA	Danh mục công trình, dự án, nhiệm vụ chi	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Giải ngân đến 31/01/2025	Đã bảo đảm nguồn vốn từ nguồn thu năm 2024	Bù đắp nguồn vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022/ tăng thu XSKT các năm	Điều chỉnh giám kế hoạch đầu tư công năm 2024
	4	UBND xã Liêu Xá	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8092766	Cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Liêu Xá	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	5	UBND xã Thanh Long	13 000 000 000	13 000 000 000	13 000 000 000		
	8110300	Xây dựng nhà hiệu bộ kết hợp lớp học, Nhà đa năng và các HMPT Trường THCS Thanh Long	13 000 000 000	13 000 000 000	13 000 000 000		
	6	UBND xã Yên Phú	19 145 000 000	19 145 000 000	19 145 000 000		
	8113766	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Yên Phú (đoạn từ đường ĐT.381 đến thôn Tân Phú)	13 000 000 000	13 000 000 000	13 000 000 000		
	8115005	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT kết nối từ ĐT.381 (đoạn nhà ông Chiến) ra ĐT.379, xã Yên Phú	2 000 000 000	2 000 000 000	2 000 000 000		
	8120468	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT nối từ ĐT.379 (đoạn nhà ông Hiền) đến đường hợp nhất Tân Tây Lại, xã Yên Phú	4 145 000 000	4 145 000 000	4 145 000 000		
	7	UBND xã Ngọc Long	10 000 000 000	10 000 000 000	10 000 000 000		
	8107151	Cải tạo nâng cấp đường giao thông liên thôn xã Ngọc Long	10 000 000 000	10 000 000 000	10 000 000 000		
	8	UBND thị trấn Yên Mỹ	12 000 000 000	12 000 000 000	12 000 000 000		
	8110301	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Đạo Khê, thôn Hạ, xã Trung Hưng (đoạn từ nhà ông Sơn chân cầu Lục Điền cũ đến nhà ông Biên ĐH.40)	12 000 000 000	12 000 000 000	12 000 000 000		
	9	UBND xã Trung Hòa	23 100 000 000	23 100 000 000	23 100 000 000		
	8118589	Nhà hiệu bộ và một số hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Trung Hòa, xã Trung Hòa	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8086475	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Hòa (Đoạn từ đường ĐT.376 đến ngã tư thôn Tam Trạch)	7 000 000 000	7 000 000 000	7 000 000 000		
	8117546	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT trục chính thôn Nghĩa Xuyên và thôn Nội Tây, xã Trung Hòa	2 000 000 000	2 000 000 000	2 000 000 000		
	8111093	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT trục chính thôn Thiên Lộc, xã Trung Hòa (Đoạn 1, nối từ đường ĐT. 376 chợ Thiên Lộc đến quy hoạch đường tránh ĐT.376; Đoạn 2, từ nhà ông Lục Du đến quy hoạch đường tránh ĐT.376; Đoạn 3, từ nhà ông Quý Thiêm đến quy hoạch đường tránh ĐT.376)	5 100 000 000	5 100 000 000	5 100 000 000		
	8111094	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thiên Lộc xã Trung Hòa (Đoạn 1, từ nhà Ông Từ Cúc đến nhà ông Tụy Ngát; Đoạn 2, từ nhà Sắc Tòng đến nhà Quá An; Đoạn 3, từ nhà Tú Tuấn đến nhà Khéo Lốp)	2 000 000 000	2 000 000 000	2 000 000 000		
	X	THÀNH PHỐ HƯNG YÊN	215 437 000 000	178 482 836 673	178 482 836 673		36 954 163 327
	1	BQLDA đầu tư xây dựng thành phố Hưng Yên	164 437 000 000	130 078 018 000	130 078 018 000		34 358 982 000
	8039707	Đường giao thông An Tào - Trung Nghĩa (đoạn từ sông Điện Biên đến sông Tân An)	30 000 000 000	5 000 000 000	5 000 000 000		25 000 000 000
	8080286	Xây dựng đường Chùa Chuông kéo dài, thành phố Hưng Yên	46 000 000 000	46 000 000 000	46 000 000 000		
	8089480	Đường giao thông xã Trung Nghĩa (đoạn từ sông Đông Lỗ đến khu dân cư mới xã Trung Nghĩa)	25 016 000 000	22 907 918 000	22 907 918 000		2 108 082 000
	8081994	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế thành phố Hưng Yên	8 620 000 000	1 369 100 000	1 369 100 000		7 250 900 000
	7827611	Đường trục trung tâm xã Bảo Khê giai đoạn II (đoạn từ ngã tư trường THCS Bảo Khê đến điểm giao với đường vào nhà máy xử lý nước thải HY1)	801 000 000	801 000 000	801 000 000		
	8080287	Cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường phố nội thị thành phố Hưng Yên	54 000 000 000	54 000 000 000	54 000 000 000		
	2	UBND xã Hoàng Hanh	6 000 000 000	6 000 000 000	6 000 000 000		
	8122822	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn An Châu 1, thôn An Châu 2, thôn Phù Sa và thôn Hà Châu, xã Hoàng Hanh	6 000 000 000	6 000 000 000	6 000 000 000		

TT	Mã DA	Danh mục công trình, dự án, nhiệm vụ chi	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Giải ngân đến 31/01/2025	Đã bảo đảm nguồn vốn từ nguồn thu năm 2024	Bù đắp nguồn vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022/ tăng thu XSKT các năm	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024
	3	UBND xã Tân Hưng	20 000 000 000	17 793 157 764	17 793 157 764		2 206 842 236
	8122821	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (đoạn 1: Từ dốc Đình Trung đến Đình Cá; đoạn 2: Từ nhà ông Lưu đến nhà ông Ấn; đoạn 3: Từ nhà ông Nguyễn đến nhà ông Lạp; đoạn 4: Từ nhà ông Lộc đến ngã tư Tiểu)	10 000 000 000	7 793 157 764	7 793 157 764		2 206 842 236
	8087850	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (Đoạn từ ngã 3 trục xã, nhà ông Duyên đến nhà bà Tô, thôn Quang Trung)	10 000 000 000	10 000 000 000	10 000 000 000		
	4	UBND xã Hùng Cường	19 200 000 000	19 200 000 000	19 200 000 000		
	8091484	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (Đoạn từ đường trục xã Hùng Cường đến Công nhà ông Thuận)	15 000 000 000	15 000 000 000	15 000 000 000		
	8102649	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (Đoạn từ đê bồi sang địa phận Phường Lam Sơn)	4 200 000 000	4 200 000 000	4 200 000 000		
	5	UBND xã Quảng Châu	5 800 000 000	5 411 660 909	5 411 660 909		388 339 091
	8104419	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Châu (Tuyến 1: từ đường giữa đến nhà anh Duy thôn 6; Tuyến 2: Từ nhà văn hóa thôn 6 đến cụ Ngạc thôn 6)	3 800 000 000	3 420 303 909	3 420 303 909		379 696 091
	8104421	Xây dựng Nhà văn hóa thôn 3, xã Quảng Châu	2 000 000 000	1 991 357 000	1 991 357 000		8 643 000
	XI	QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH+ CẤP VỐN ĐIỀU LỆ CHO NHCSXH CHI NHÁNH TỈNH HUNG YÊN	332 000 000 000	332 000 000 000	332 000 000 000		
	XII	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC TỈNH	3 789 166 000 000	3 383 537 982 202	2 075 760 508 335	1 307 777 473 867	1 713 405 491 665
		KH 2024 VÀ TT	3 789 166 000 000	3 383 537 982 202	2 075 760 508 335	1 307 777 473 867	1 713 405 491 665
	1	Sở Giao thông Vận tải	2 309 638 000 000	2 301 855 393 756	2 075 760 508 335	226 094 885 421	233 877 491 665
	7929421	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối di sản văn hoá du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng	3 676 000 000	3 676 000 000	3 676 000 000		
	7929420	Dự án đường Tân Phúc - Vông Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên	961 000 000 000	961 000 000 000	961 000 000 000		
	7978490	Dự án thành phần 2.2: Xây dựng đường song hành (đường đô thị) địa phận tỉnh Hưng Yên thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai 4 – Vùng Thủ đô Hà Nội	350 500 000 000	350 500 000 000	350 500 000 000		
	7904394	Xây dựng đường bên của tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội- Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, đoạn qua địa phận tỉnh Hưng Yên	290 215 000 000	282 440 835 956	282 440 835 956		7 774 164 044
	7946984	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.380 đoạn Km0+000 - Km2+800	24 500 000 000	24 500 000 000	24 500 000 000		
	7966660	Đường kết nối ĐT.387 với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (Km31+100)	66 524 000 000	66 524 000 000	66 524 000 000		
	7971615	Xây dựng đường bên đoạn km19+640 (giao QL.38B) đến Km24+240 (giao QL.39) tiếp giáp tuyến đường bộ nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	153 100 000 000	153 100 000 000	153 100 000 000		
	7971612	Xây dựng đường Chí Tân - Toàn Thắng (giao QL.39)	63 700 000 000	63 700 000 000	63 700 000 000		
	7971611	Xây dựng đường Chính Nghĩa - Phú Cường	111 900 000 000	111 900 000 000	111 900 000 000		
	7971613	Đầu tư xây dựng đường ĐT.382B đoạn Km14+420 - Km26+730 (nhánh trái và nhánh phải)	59 100 000 000	59 100 000 000	58 419 672 379	680 327 621	680 327 621
	7971614	Đầu tư xây dựng ĐT.382B nhánh trái, đoạn Km2+350-Km14+420	49 585 000 000	49 585 000 000		49 585 000 000	49 585 000 000
	7971610	Đầu tư xây dựng đường Vân Du - Phù Ứng (đoạn từ nút giao ĐT.376 đến ĐT.382, huyện Ân Thi)	42 000 000 000	42 000 000 000		42 000 000 000	42 000 000 000
	7971616	Xây dựng đường tỉnh 376B (đoạn kết nối QL.39 với ĐT.386C)	128 600 000 000	128 600 000 000		128 600 000 000	128 600 000 000
	7904392	Dự án đường nối ĐH.45 xã Đồng Than với ĐT.376 xã Ngọc Long	3 238 000 000	3 229 557 800		3 229 557 800	3 238 000 000
	8039706	Dự án xây dựng cầu Hải Hưng qua sông Chanh kết nối tỉnh Hưng Yên và Hải Dương	2 000 000 000	2 000 000 000		2 000 000 000	2 000 000 000
	2	BQL dự án đầu tư công trình giao thông - xây dựng	948 950 000 000	630 018 583 100		630 018 583 100	948 950 000 000
	7918751	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài, đoạn qua địa phận tỉnh Hưng Yên	394 000 000 000	234 475 153 800		234 475 153 800	394 000 000 000

TT	Mã DA	Danh mục công trình, dự án, nhiệm vụ chi	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Giải ngân đến 31/01/2025	Đã bảo đảm nguồn vốn từ nguồn thu năm 2024	Bù đắp nguồn vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022/ tăng thu XSKT các năm	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024
		Dự án Đường vành đai V vùng thủ đô Hà Nội trên địa phận tỉnh Thái Bình với QL38 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	18 000 000 000	11 142 982 000		11 142 982 000	18 000 000 000
	8044624	Cải tạo, nâng cấp mở rộng ĐT.382 đoạn từ nút giao giữa tuyến tránh ĐT.376 với ĐT.382 đến giao với QL39 và đoạn tuyến quy hoạch mới tránh ngã tư Tân Việt	159 042 000 000	48 727 240 100		48 727 240 100	159 042 000 000
	8044623	Xây dựng tuyến ĐT.377 đoạn quy hoạch mới tránh thị trấn Lương Bằng (từ Ngã ba Thuận Hưng đến giao với ĐH.71)	107 000 000 000	75 805 503 600		75 805 503 600	107 000 000 000
	7822059	Nâng cấp mở rộng đường gom (bên phải) đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (đoạn từ giao với ĐT.376 giao với QL.38)	3 700 000 000	710 090 000		710 090 000	3 700 000 000
	7822057	Cải tạo, nâng cấp ĐT.385 Km 7+750- Km16+370 (Đốc Nghĩa - Lương Tài)	15 152 000 000	15 151 918 000		15 151 918 000	15 152 000 000
	7944462	Cải tạo, nâng cấp Trụ Sở Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông - xây dựng	556 000 000	75 824 000		75 824 000	556 000 000
	7822056	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.380 đoạn Km2+910 - Km7+00	14 500 000 000	9 490 128 000		9 490 128 000	14 500 000 000
	8100859	Xây dựng tuyến đường ĐT.384B (đoạn từ nút giao với tuyến đường bộ nói hai đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình đến giao với ĐT.378)	192 000 000 000	191 999 792 600		191 999 792 600	192 000 000 000
	8100858	Nâng cấp, mở rộng ĐT.387 đoạn từ nút giao QL.5 đến QL.38 (Km8+417 - Km15+700)	45 000 000 000	42 439 951 000		42 439 951 000	45 000 000 000
	3	Sở Y tế	330 000 000				330 000 000
	7943716	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên (giai đoạn 1)	330 000 000				330 000 000
	8	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	60 000 000 000	60 000 000 000		60 000 000 000	60 000 000 000
	041100020	Công trình: CBA1 - 18 tỉnh Hưng Yên	60 000 000 000	60 000 000 000		60 000 000 000	60 000 000 000
	9	Công an tỉnh	11 401 000 000	6 751 000 000		6 751 000 000	11 401 000 000
	7004692 (041100003)	Xây dựng nhà trực ban doanh trại; nhà tiếp dân, kho tàng thư và các hạng mục phụ trợ - Công an tỉnh Hưng Yên	9 650 000 000	5 000 000 000		5 000 000 000	9 650 000 000
	7004692 (041100029)	Dự án doanh trại Đội chữa cháy khu vực Phố Nói A và đội chữa cháy khu vực Văn Giang	1 751 000 000	1 751 000 000		1 751 000 000	1 751 000 000
	10	Viện Kiểm Soát	10 000 000 000	10 000 000 000		10 000 000 000	10 000 000 000
	8070120	Hỗ trợ Cải tạo, sửa chữa trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên	10 000 000 000	10 000 000 000		10 000 000 000	10 000 000 000
	11	Văn phòng UBND tỉnh	20 000 000 000	20 000 000 000		20 000 000 000	20 000 000 000
	8056132	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh	20 000 000 000	20 000 000 000		20 000 000 000	20 000 000 000
	12	Văn phòng Tỉnh Ủy	43 000 000 000	42 602 341 410		42 602 341 410	43 000 000 000
	8084948	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022-2025	28 000 000 000	27 644 337 002		27 644 337 002	28 000 000 000
	8084949	Dự án công trình cải tạo, sửa chữa trụ sở Tỉnh ủy Hưng Yên	15 000 000 000	14 958 004 408		14 958 004 408	15 000 000 000
	13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	58 710 000 000	53 786 481 324		53 786 481 324	58 710 000 000
	8036379	Tu bổ, tôn tạo di tích Văn chi Bình Dân - Đình Bình Dân, xã Tân Dân	21 000 000				21 000 000
	8036380	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Hàm Tử, xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu	1 745 000 000	746 332 835		746 332 835	1 745 000 000
	8036381	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cửu Cao, xã Cửu Cao, huyện Văn Giang	182 000 000	45 625 000		45 625 000	182 000 000
	8078668	Tu bổ tôn tạo Nhà thờ bà Hoàng Thị Loan, xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	10 000 000 000	9 986 893 872		9 986 893 872	10 000 000 000
	8067830	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phúc Lễ, xã Hùng An, huyện Kim Động	10 791 000 000	10 454 592 000		10 454 592 000	10 791 000 000
	8067649	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Đồng (Tam Giang), xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm	2 800 000 000	2 646 368 891		2 646 368 891	2 800 000 000
	8067648	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Đanห์, xã Hồng Văn, huyện Ân Thi	2 142 000 000	1 944 139 128		1 944 139 128	2 142 000 000
	8067651	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Khúc Lông, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang	5 337 000 000	4 380 513 530		4 380 513 530	5 337 000 000
	8067829	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Trà Phương, xã Hồng Văn, huyện Ân Thi	3 185 000 000	3 065 778 964		3 065 778 964	3 185 000 000
	8067650	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Bình Phú, xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ	4 214 000 000	3 870 845 963		3 870 845 963	4 214 000 000
	8067831	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi	6 598 000 000	6 411 257 000		6 411 257 000	6 598 000 000
	8067652	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Phú Diêm, xã Minh Phương, huyện Tiên Lữ	5 525 000 000	5 147 961 742		5 147 961 742	5 525 000 000

TT	Mã DA	Danh mục công trình, dự án, nhiệm vụ chi	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Giải ngân đến 31/01/2025	Đã bảo đảm nguồn vốn từ nguồn thu năm 2024	Bù đắp nguồn vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022/ tăng thu XSKT các năm	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024
	8067647	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Đình An Tào, xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ	6 170 000 000	5 086 172 399		5 086 172 399	6 170 000 000
	14	Thư viện tỉnh Hưng Yên	1 324 000 000	1 322 433 271		1 322 433 271	1 324 000 000
	8007151	Nhà thư viện 4 tầng - Thư viện tỉnh Hưng Yên	1 324 000 000	1 322 433 271		1 322 433 271	1 324 000 000
	15	Đài phát thanh và truyền hình tỉnh	20 665 000 000	20 665 000 000		20 665 000 000	20 665 000 000
		Trường quay đa năng và các hạng mục phụ trợ Đài phát thanh và Truyền hình Hưng Yên	20 665 000 000	20 665 000 000		20 665 000 000	20 665 000 000
	17	BQLDA đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và PTNT	170 196 000 000	125 683 619 319		125 683 619 319	170 196 000 000
	8023361	Cải tạo, nâng cấp đê tả sông Hồng, tỉnh Hưng Yên (đoạn từ K117+900 đến K127+000)	80 000 000 000	60 784 893 150		60 784 893 150	80 000 000 000
	8023362	Dự án cải tạo, nạo vét và kè mái kênh Trần Thành Ngọ, tỉnh Hưng Yên	58 600 000 000	41 691 880 615		41 691 880 615	58 600 000 000
	7944750	Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	1 400 000 000	95 537 000		95 537 000	1 400 000 000
	8012938	Cải tạo, nạo vét, kè mái sông S6-1 huyện Kim Động	2 500 000 000	850 147 187		850 147 187	2 500 000 000
	8012939	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh sau đầu mỗi trạm bơm Cầu Đùng, huyện Yên Mỹ	1 700 000 000	1 349 191 000		1 349 191 000	1 700 000 000
	8012941	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường và kênh sau đầu mỗi trạm bơm Việt Hoà, huyện Khoái Châu	13 000 000 000	12 289 023 000		12 289 023 000	13 000 000 000
	8012937	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường và kênh sau đầu mỗi trạm bơm Sài Thị, huyện Khoái Châu	9 300 000 000	8 622 947 367		8 622 947 367	9 300 000 000
	8012773	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng và hệ thống kênh Nghè Mạc, huyện Yên Mỹ	3 696 000 000				3 696 000 000
	21	Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh	6 062 000 000	2 278 476 092		2 278 476 092	6 062 000 000
	7940309	Cải tạo, nâng cấp ĐT.376 (đoạn từ Km0+00 đến Km2+300)	6 062 000 000	2 278 476 092		2 278 476 092	6 062 000 000
	24	Trung tâm Bảo trợ XH tỉnh Hưng Yên	214 000 000				214 000 000
	7991486	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hưng Yên	214 000 000				214 000 000
	25	Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh	7 000 000 000	5 753 687 747		5 753 687 747	7 000 000 000
	8037980	Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên (giai đoạn II)	7 000 000 000	5 753 687 747		5 753 687 747	7 000 000 000
	27	Trường THPT Văn Lâm, huyện Văn Lâm	3 070 000 000				3 070 000 000
	7946233	Nhà hiệu bộ kết hợp một số phòng học Trường THPT Văn Lâm	570 000 000				570 000 000
	8052482	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng Trường THPT Văn Lâm	2 500 000 000				2 500 000 000
	28	Trường THPT Đức Hợp, huyện Kim Động	14 579 000 000	12 855 460 280		12 855 460 280	14 579 000 000
	8077899	Xây mới nhà đa năng, nhà vệ sinh học sinh và cải tạo nhà lớp học 3 tầng Trường THPT Đức Hợp	14 579 000 000	12 855 460 280		12 855 460 280	14 579 000 000
	29	Trường THPT Trưng Vương, huyện Văn Lâm	2 410 000 000	2 237 899 000		2 237 899 000	2 410 000 000
	7958167	Nhà hiệu bộ và nhà lớp học Trường THPT Trưng Vương	2 410 000 000	2 237 899 000		2 237 899 000	2 410 000 000
	34	Trường THPT Trần Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ	3 943 000 000	3 905 295 345		3 905 295 345	3 943 000 000
	8058521	Nhà đa năng Trường THPT Trần Hưng Đạo	3 943 000 000	3 905 295 345		3 905 295 345	3 943 000 000
	35	Trường THPT Ân Thi	10 800 000 000	8 332 307 526		8 332 307 526	10 800 000 000
	8048693	Trường THPT Ân Thi - Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và công trình phụ trợ	10 800 000 000	8 332 307 526		8 332 307 526	10 800 000 000
	36	Trường THPT Trần Quang Khải, huyện Khoái Châu	494 000 000	474 985 132		474 985 132	494 000 000
	8043070	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Trần Quang Khải, huyện Khoái Châu	494 000 000	474 985 132		474 985 132	494 000 000
	37	Trường THPT Minh Châu, huyện Yên Mỹ	4 900 000 000	4 202 011 000		4 202 011 000	4 900 000 000
	8032072	Nhà lớp học bộ môn kết hợp một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường	4 900 000 000	4 202 011 000		4 202 011 000	4 900 000 000
	39	THPT Kim Động, huyện Kim Động	3 480 000 000	3 335 064 873		3 335 064 873	3 480 000 000
	8039934	Xây dựng nhà lớp học, một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT	3 480 000 000	3 335 064 873		3 335 064 873	3 480 000 000
	41	Trường THPT Nguyễn Trung Ngạn, huyện Ân Thi	15 000 000 000	15 000 000 000		15 000 000 000	15 000 000 000
	8088952	Xây dựng nhà lớp học, phòng tổ bộ môn, Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường THPT Nguyễn Trung Ngạn	15 000 000 000	15 000 000 000		15 000 000 000	15 000 000 000
	42	Trường THPT Mỹ Hào, Thị xã Mỹ Hào	10 000 000 000	9 813 170 727		9 813 170 727	10 000 000 000

TT	Mã DA	Danh mục công trình, dự án, nhiệm vụ chi	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Giải ngân đến 31/01/2025	Đã bảo đảm nguồn vốn từ nguồn thu năm 2024	Bù đắp nguồn vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022/ tăng thu XSKT các năm	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024
	8127320	Hỗ trợ đầu tư Dự án Nhà Hiệu bộ kết hợp phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Mỹ Hòa	10 000 000 000	9 813 170 727		9 813 170 727	10 000 000 000
	43	Trường THPT Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ	15 000 000 000	14 885 330 000		14 885 330 000	15 000 000 000
	8092765	Nhà tổ bộ môn, khu luyện tập thể có mái che và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Yên Mỹ	15 000 000 000	14 885 330 000		14 885 330 000	15 000 000 000
	44	Trường THPT Nguyễn Siêu, huyện Khoái Châu	10 000 000 000	10 000 000 000		10 000 000 000	10 000 000 000
	8084782	Trường THPT Nguyễn Siêu, huyện Khoái Châu (Hạng mục: xây dựng mở rộng nhà lớp học bộ môn và bảo dưỡng, sửa chữa nhà lớp học)	10 000 000 000	10 000 000 000		10 000 000 000	10 000 000 000
	46	Trường THPT Hưng Yên, TP Hưng Yên	10 000 000 000				10 000 000 000
	8067489	Hỗ trợ đầu tư dự án Trường THPT Hưng Yên, TP Hưng Yên (hạng mục: nhà lớp học bộ môn, nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và công trình phụ trợ)	10 000 000 000				10 000 000 000
	47	Trường THPT Phạm Ngũ Lão, huyện Ân Thi	3 000 000 000	2 779 442 300		2 779 442 300	3 000 000 000
		Nhà lớp học một số phòng học chức năng và sân đường Trường THPT Phạm Ngũ Lão, huyện Ân Thi	3 000 000 000	2 779 442 300		2 779 442 300	3 000 000 000
	48	Trường THPT Khoái Châu, huyện Khoái Châu	15 000 000 000	15 000 000 000		15 000 000 000	15 000 000 000
	8081995	Nhà lớp học bộ môn trường THPT Khoái Châu - cơ sở 1, huyện Khoái Châu	15 000 000 000	15 000 000 000		15 000 000 000	15 000 000 000
A2		NGUỒN THU TIỀN SDD CẤP TỈNH CHƯA PHÂN BÒ CHI TIẾT	4 701 554 000 000				4 701 554 000 000
B		NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT	23 000 000 000	20 036 449 597	18 791 301 828	1 245 147 769	4 208 698 172
	1	BQLDA đầu tư xây dựng huyện Tiên Lữ	1 000 000 000	894 244 000	894 244 000		105 756 000
	7952752	Nhà lớp học 12 phòng và các hạng mục phụ trợ, Trường tiểu học xã Minh phương, huyện Tiên Lữ	1 000 000 000	894 244 000	894 244 000		105 756 000
	2	UBND xã Việt Yên	4 000 000 000	3 802 276 000	3 802 276 000		197 724 000
	7948936	Nhà lớp học 03 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Việt Cường, huyện Yên Mỹ	4 000 000 000	3 802 276 000	3 802 276 000		197 724 000
	3	Trường THPT Triệu Quang Phục, huyện Yên Mỹ	1 979 000 000	1 851 392 100	606 244 331	1 245 147 769	1 372 755 669
	8021879	Xây dựng một số phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Triệu Quang Phục	1 979 000 000	1 851 392 100	606 244 331	1 245 147 769	1 372 755 669
	4	BQLDA đầu tư xây dựng thành phố Hưng Yên	2 021 000 000				2 021 000 000
	7962722	Nhà lớp học 03 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Hoàng Lê, thành phố Hưng Yên	2 021 000 000				2 021 000 000
	5	UBND xã Vĩnh Xá	1 000 000 000	807 994 519	807 994 519		192 005 481
	7963212	Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng học bộ môn và 04 phòng học lý thuyết trường THCS Vĩnh Xá, huyện Kim Đông	1 000 000 000	807 994 519	807 994 519		192 005 481
	6	UBND xã Phạm Hồng Thái	7 000 000 000	6 680 542 978	6 680 542 978		319 457 022
	8016159	Xây dựng 12 phòng học trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hàm Tử, huyện Khoái Châu	7 000 000 000	6 680 542 978	6 680 542 978		319 457 022
	7	UBND xã Đào Dương	6 000 000 000	6 000 000 000	6 000 000 000		
	7979518	Nhà lớp học 12 phòng và hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học xã Đào Dương, huyện Ân Thi	6 000 000 000	6 000 000 000	6 000 000 000		

A. K. W. W.